

KINH NGHIỆM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP KHAI KHOÁNG TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO CÁC DOANH NGHIỆP KHAI KHOÁNG VIỆT NAM

Ths. Nguyễn Thị Mai Phương*

Việt Nam là quốc gia có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng và phong phú. Trong những năm vừa qua, ngành khai thác khoáng sản ở Việt Nam đã có những đóng góp to lớn vào quá trình tăng trưởng và phát triển nền kinh tế, không chỉ đáp ứng đủ và kịp thời nguyên liệu cho nền kinh tế quốc dân (than, quặng thiếc, chì kẽm, sắt...) mà còn có thể xuất khẩu ra nước ngoài các chế phẩm khoáng sản đã qua xử lý. Vì vậy, trong thời gian tới, sự phát triển của các doanh nghiệp ngành khai khoáng sẽ tiếp tục là động lực góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, trong giai đoạn vừa qua, hiệu quả sử dụng vốn tại các doanh nghiệp khai khoáng chưa đạt được kết quả cao như mong đợi; vấn đề quản lý, sử dụng vốn hiệu quả không được chú trọng. Chính vì vậy, bài viết tập trung nghiên cứu kinh nghiệm sử dụng vốn của doanh nghiệp khai khoáng tại một số quốc gia trên thế giới và bài học cho các doanh nghiệp Việt Nam.

• Từ khóa: kinh nghiệm, doanh nghiệp khai khoáng, hiệu quả sử dụng vốn.

Vietnam is a country rich in diverse and abundant mineral resources. In recent years, the mining industry in Vietnam has significantly contributed to the growth and development of the economy. It has not only provided sufficient and timely raw materials for the national economy (such as coal, tin ore, lead, zinc, and iron) but has also exported processed mineral products to international markets. Therefore, in the future, the development of mining enterprises is expected to remain a driving force for the growth of the Vietnamese economy. However, in recent years, the efficiency of capital utilization in mining enterprises has not achieved the anticipated results, and effective capital management and usage have not been prioritized. Consequently, this article aims to examine the experiences of mining enterprises in capital utilization from various countries around the world and draw lessons for Vietnamese enterprises.

• Key words: experience, mining enterprises, capital utilization efficiency.

Ngày gửi bài: 14/11/2024

Ngày gửi phản biện: 10/12/2024

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 28/12/2024

Ngày chấp nhận đăng: 03/01/2025

1. Đặt vấn đề

Trong những năm vừa qua, ngành khai thác khoáng sản ở Việt Nam đã có những đóng góp to lớn vào quá trình tăng trưởng và phát triển nền kinh tế. Ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản

của nước ta đã từng bước phát triển và đóng vai trò quan trọng, tích cực trong sự nghiệp phát triển công nghiệp Việt Nam và nền kinh tế đất nước. Về tổng giá trị và đóng góp vào GDP của ngành khai khoáng tại Việt Nam, giai đoạn 2012-2020, toàn ngành đã đóng góp 73,1 nghìn tỷ đồng, xấp xỉ 2,49% GDP năm 2020. Cũng theo số liệu năm 2019, ngành khai khoáng đóng góp 1.491,2 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước, chiếm 0,61% tổng thu ngân sách từ thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngoài ra các doanh nghiệp khai khoáng còn tạo nhiều công ăn việc làm ổn định, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Bên cạnh các doanh nghiệp Nhà nước, đã có thêm các thành phần kinh tế khác cùng tham gia khai thác khoáng sản như: doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài, hợp tác xã, tổ hợp tác... Số lượng doanh nghiệp trong ngành khai khoáng tăng nhanh chóng, năm 2019 là 3.804 doanh nghiệp, tăng gần 850 doanh nghiệp so với năm 2011. Trong đó doanh nghiệp tư nhân 3.700 (97,2%), doanh nghiệp nhà nước 62 (1,84%), doanh nghiệp FDI 30 (0,96%).

Tổng lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp khai khoáng là 5.200 tỷ đồng. Doanh nghiệp khai thác đá có lợi nhuận cao nhất, 1.988,5 tỷ đồng, bình quân mỗi doanh nghiệp có lợi nhuận 11 tỷ đồng. Doanh nghiệp khai thác than có lợi nhuận cao thứ hai, 1.860,5 tỷ đồng, bình quân mỗi doanh nghiệp có lợi nhuận khoảng 5,64 tỷ đồng. Có thể thấy, sự phát triển của các doanh nghiệp ngành khai khoáng sẽ là động

* Học viện Tài chính

lực góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

Tuy nhiên, giai đoạn gần đây đã đặt ra những thách thức đối với hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp khai khoáng PwC (2024). Ngành khai khoáng toàn cầu đã phải đối mặt với những thách thức chưa từng có vào năm 2023, tác động đến các khía cạnh tài chính (PwC, 2024). Mi và cộng sự (2019) chỉ ra các doanh nghiệp khai khoáng ở Trung Quốc đang phải đối mặt với ô nhiễm môi trường và việc sử dụng những mối quan hệ để cải thiện hiệu suất quản trị môi trường. Li (2020) đã thảo luận về những thách thức mà các doanh nghiệp khai khoáng ở Peru phải đối mặt do giá khoáng sản toàn cầu thấp, dẫn đến chuỗi vốn giảm sút và hoạt động khó khăn. Tại Việt Nam, các doanh nghiệp khai khoáng cũng đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến đền bù giải phóng mặt bằng, thực hiện thủ tục pháp lý liên quan đến đất đai, việc điều chỉnh công nghệ thăm dò - khai thác hay sự biến đổi tiêu cực của môi trường tự nhiên... Những thách thức này đã khiến cho hoạt động sử dụng vốn của các doanh nghiệp Việt Nam gặp nhiều khó khăn. Nhiều doanh nghiệp khai khoáng đối mặt với trạng thái căng thẳng về tài chính, mất cân đối dòng tiền, làm giảm khả năng thanh toán, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Do đó, để rút ra bài học cho các doanh nghiệp khai khoáng tại Việt Nam, tác giả đã nghiên cứu kinh nghiệm sử dụng vốn của các doanh nghiệp khai khoáng tại một số quốc gia trên thế giới (Úc, Trung Quốc, Indonesia).

2. Kinh nghiệm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp tại một số nước

2.1. Kinh nghiệm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của một số doanh nghiệp khai khoáng tại Úc

Một số công ty khai khoáng lớn như Rio Tinto (Úc) và BHP (Anh-Úc) đã đầu tư mạnh mẽ vào tự động hóa và số hóa quy trình khai thác, hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp khai khoáng tại Úc. Những nghiên cứu này tập trung vào các chiến lược quản lý vốn, tối ưu hóa tài nguyên và nâng cao hiệu quả tài chính trong bối cảnh khai thác khoáng sản, mặt khác Deloitte (2022) khám phá cách các công ty khai khoáng Úc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua tối ưu hóa chuỗi cung ứng và ứng dụng công nghệ. Các công ty khai khoáng tại Úc quản lý vốn một cách bền vững nhằm giảm thiểu tác động môi trường và cải thiện hiệu quả tài chính lâu dài. Phương pháp mà các doanh nghiệp khai khoáng áp dụng, cũng như

tác động tích cực đến môi trường và tài chính của các biện pháp này như:

Thứ nhất, đầu tư vào công nghệ tái sử dụng và tái chế nguồn tài nguyên.

Nhiều công ty khai khoáng ở Úc đang đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ tái sử dụng và tái chế, với mục tiêu tối ưu hóa nguồn tài nguyên khai thác và giảm thiểu lãng phí. Công nghệ này cho phép thu hồi và tái sử dụng các khoáng sản hoặc kim loại trong quy trình khai thác, từ đó giúp giảm nhu cầu khai thác mới và giảm bớt chất thải. Giảm lượng chất thải không chỉ giảm thiểu tác động môi trường mà còn giúp tiết kiệm chi phí, cải thiện lợi nhuận lâu dài do không phải đầu tư quá nhiều vào khai thác mới.

Thứ hai, sử dụng năng lượng tái tạo trong hoạt động khai thác.

Các doanh nghiệp khai khoáng tại Úc đã bắt đầu chuyển sang sử dụng năng lượng tái tạo (như năng lượng mặt trời và gió) để vận hành các cơ sở khai thác, sử dụng năng lượng tái tạo thay thế cho năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch giúp giảm lượng khí thải nhà kính (giảm hạn ngạch carbon), cải thiện hình ảnh doanh nghiệp khai khoáng và phù hợp với các tiêu chuẩn môi trường quốc tế. Ngoài việc giảm tác động môi trường, việc sử dụng năng lượng tái tạo giúp ổn định chi phí năng lượng dài hạn, đồng thời đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư về hoạt động kinh doanh xanh và bền vững.

Thứ ba, tối ưu hóa quy trình và áp dụng công nghệ tự động hóa.

Các công ty khai khoáng lớn ở Úc đã ứng dụng các công nghệ tự động hóa và tối ưu hóa quy trình nhằm nâng cao năng suất và giảm thiểu lãng phí tài nguyên, tự động hóa quy trình khai thác giúp tăng hiệu quả sử dụng vốn, giảm chi phí lao động và hạn chế sai sót do con người. Công nghệ tự động hóa không chỉ giúp tăng hiệu quả mà còn giảm lượng tài nguyên cần thiết để đạt được khối lượng sản xuất tương đương, từ đó hỗ trợ quản lý vốn một cách bền vững.

Thứ tư, quản lý nước và chất thải.

Một trong những ưu tiên hàng đầu của các công ty khai khoáng Úc là giảm thiểu sử dụng nước và quản lý chất thải. Các doanh nghiệp triển khai hệ thống tái sử dụng nước và quản lý chất thải nghiêm ngặt để giảm thiểu tác động đến các nguồn nước ngầm và môi trường xung quanh. Quản lý nước hiệu quả giúp các công ty tránh được các chi phí phạt liên quan đến môi trường và cải thiện tính bền vững tài chính do giảm chi phí xử lý nước.

Thứ năm, quản trị rủi ro về môi trường và phát triển bền vững.

Tích hợp các chiến lược quản lý bền vững vào quy trình quản lý vốn là một cách tiếp cận dài hạn để giảm thiểu rủi ro về tài chính. Bằng cách đầu tư vào công nghệ và quy trình thân thiện với môi trường, các công ty khai khoáng có thể giảm thiểu rủi ro pháp lý và tác động tiêu cực từ các quy định về môi trường. Phát triển bền vững trong quản lý vốn giúp doanh nghiệp nâng cao danh tiếng, tăng cường niềm tin của các cổ đông và đảm bảo hoạt động dài hạn trong bối cảnh các quy định môi trường ngày càng nghiêm ngặt.

Các doanh nghiệp khai khoáng ở Úc đang áp dụng nhiều chiến lược quản lý vốn bền vững. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu tác động môi trường mà còn cải thiện hiệu quả tài chính lâu dài nhờ tiết kiệm chi phí, giảm rủi ro pháp lý và thu hút được sự ủng hộ từ các nhà đầu tư có ý thức về môi trường.

2.2. Kinh nghiệm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của một số doanh nghiệp khai khoáng tại Trung Quốc

Các doanh nghiệp Trung Quốc đã phát triển nhiều chiến lược quản lý và sử dụng vốn hiệu quả để thích ứng với thách thức về chi phí đầu tư lớn, biến động giá khoáng sản và áp lực bảo vệ môi trường. Kinh nghiệm quản lý vốn của một số doanh nghiệp khai khoáng hàng đầu tại Trung Quốc.

Thứ nhất, tăng cường đầu tư vào công nghệ để cải thiện năng suất và tối ưu hóa chi phí.

Các doanh nghiệp khai khoáng Trung Quốc như China Shenhua Energy và China National Coal group đã tăng cường đầu tư vào công nghệ tự động hóa và tối ưu hóa quy trình khai thác. Ứng dụng công nghệ hiện đại, bao gồm tự động hóa máy móc khai thác, hệ thống kiểm soát và giám sát từ xa, giúp cải thiện hiệu quả vận hành và tối ưu hóa nguồn vốn đầu tư. Chi phí vận hành giảm nhờ việc giảm thiểu nhân công và tăng cường kiểm soát quy trình. Công nghệ tiên tiến cũng giúp tăng sản lượng và đảm bảo an toàn, từ đó tăng cường hiệu quả tài chính dài hạn.

Thứ hai, đa dạng hóa sản phẩm và giảm thiểu rủi ro giá cả.

Doanh nghiệp China Minmetals đã áp dụng chiến lược đa dạng hóa sản phẩm để giảm thiểu rủi ro khi giá của một loại khoáng sản biến động mạnh. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp cũng tham gia vào các ngành khác để tận dụng tối đa các nguồn tài nguyên liên quan. Khai thác đa dạng các loại tài nguyên như sắt, đồng, kẽm và than, đồng thời phát triển các sản phẩm

giá trị gia tăng. Đa dạng hóa giúp giảm phụ thuộc vào một nguồn tài nguyên duy nhất, nhờ đó giảm rủi ro về giá cả và tạo ra nguồn thu ổn định hơn, giúp tối ưu hóa dòng tiền và hiệu quả sử dụng vốn.

Thứ ba, áp dụng các chiến lược quản lý vốn bền vững và thân thiện với môi trường.

Để đáp ứng các quy định môi trường nghiêm ngặt và xu hướng phát triển bền vững, các doanh nghiệp như China Northern Rare Earth group đã áp dụng nhiều biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong hoạt động khai thác. Đầu tư vào công nghệ xử lý chất thải, quản lý nước và giảm thiểu ô nhiễm không khí; tăng cường giám sát môi trường trong suốt quá trình khai thác và sản xuất. Các biện pháp này không chỉ giúp tuân thủ quy định pháp luật mà còn giảm chi phí do các khoản phạt môi trường.

Thứ tư, hợp tác quốc tế và mua lại tài sản ở nước ngoài để mở rộng nguồn tài nguyên.

Do nhu cầu nội địa lớn, các công ty khai khoáng Trung Quốc như Aluminum Corporation of China (Chalco) đã mua lại các tài sản khai khoáng ở nước ngoài nhằm mở rộng nguồn tài nguyên. Hợp tác quốc tế và mở rộng sở hữu tài sản khai thác ở nước ngoài nhằm đảm bảo nguồn cung tài nguyên ổn định, đa dạng và tận dụng chi phí đầu tư thấp ở một số khu vực. Các khoản đầu tư nước ngoài giúp ổn định nguồn cung, giảm thiểu rủi ro khi khai thác tài nguyên trong nước và tăng khả năng sinh lời từ tài nguyên khai thác, nhờ vậy tối ưu hóa hiệu quả vốn dài hạn.

Thứ năm, nâng cao quản trị tài chính và hiệu quả chi phí thông qua cải tiến quản lý.

Các doanh nghiệp khai khoáng Trung Quốc đã nâng cao quản trị tài chính bằng cách quản lý chi phí một cách chặt chẽ và duy trì hiệu quả sử dụng vốn trong các dự án khai thác. Tập trung vào quản lý chi phí trực tiếp trong hoạt động khai thác, kiểm soát chặt chẽ vốn đầu tư cho các dự án, đồng thời tối ưu hóa dòng tiền qua việc tái cơ cấu và thoái vốn ở các khoản đầu tư kém hiệu quả. Tăng cường hiệu quả tài chính giúp doanh nghiệp duy trì sự ổn định trong bối cảnh thị trường nhiều biến động, từ đó tối ưu hóa nguồn vốn và cải thiện lợi nhuận.

Kinh nghiệm quản lý vốn của các doanh nghiệp khai khoáng Trung Quốc cho thấy sự chú trọng vào việc ứng dụng công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường, mở rộng quốc tế và quản lý tài chính chặt chẽ. Những chiến lược này không chỉ giúp doanh nghiệp tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn mà còn giúp giảm thiểu rủi ro tài chính và tác động môi trường, đáp ứng yêu cầu phát

triển bền vững trong ngành khai khoáng giảm phát thải khí nhà kính.

2.3. Kinh nghiệm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của một số doanh nghiệp khai khoáng tại Indonesia

Các doanh nghiệp khai khoáng tại Indonesia đã phát triển nhiều chiến lược sử dụng vốn hiệu quả để đối mặt với các thách thức về chi phí đầu tư cao, quy định bảo vệ môi trường nghiêm ngặt và biến động giá tài nguyên.

Tăng cường đầu tư vào công nghệ hiện đại và tự động hóa để tối ưu hóa chi phí. Các doanh nghiệp như PT Freeport Indonesia và PT Vale Indonesia đã tập trung đầu tư vào công nghệ hiện đại và tự động hóa quy trình khai thác, đặc biệt trong khai thác đồng và niken. Sử dụng các thiết bị và hệ thống khai thác tự động nhằm giảm bớt sự phụ thuộc vào nhân lực, từ đó tối ưu hóa chi phí vận hành. Công nghệ hiện đại giúp tăng năng suất, giảm chi phí nhân công, đồng thời đảm bảo an toàn lao động. Điều này giúp các công ty khai khoáng tại Indonesia cải thiện hiệu quả vốn và đạt được lợi nhuận cao hơn.

Chiến lược quản lý tài nguyên bền vững và trách nhiệm môi trường. Trước áp lực từ các quy định bảo vệ môi trường, các doanh nghiệp như PT Adaro Energy và PT Bumi Resources đã phát triển các chiến lược quản lý vốn bền vững, giảm thiểu tác động đến môi trường. Đầu tư vào công nghệ xử lý chất thải, quản lý nước và các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác. Các công ty này cũng áp dụng quy trình khai thác thân thiện với môi trường để duy trì uy tín và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Chiến lược này không chỉ giúp công ty tuân thủ các quy định mà còn cải thiện hình ảnh của công ty trước các nhà đầu tư và cộng đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút vốn đầu tư và mở rộng quy mô.

Đa dạng hóa sản phẩm và thị trường để giảm thiểu rủi ro. Nhiều doanh nghiệp khai khoáng ở Indonesia, như PT Aneka Tambang (Antam), đã thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị trường xuất khẩu để giảm thiểu rủi ro do biến động giá cả. Khai thác và kinh doanh nhiều loại khoáng sản khác nhau như niken vàng, bauxite, để không phụ thuộc vào một loại khoáng sản duy nhất. Việc đa dạng hóa giúp các doanh nghiệp giảm bớt rủi ro về giá cả và ổn định nguồn thu, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn dài hạn.

Hợp tác quốc tế để thu hút đầu tư và nâng cao năng lực kỹ thuật. Các công ty khai khoáng Indonesia như PT Timah đã thiết lập quan hệ hợp tác quốc tế để huy động vốn và tiếp cận công nghệ tiên tiến từ các công

ty nước ngoài. Tận dụng các khoản đầu tư và công nghệ từ các đối tác quốc tế, các công ty có thể giảm áp lực về vốn đầu tư và nâng cao năng lực kỹ thuật, đồng thời có thể học hỏi cách thực hành quản lý tốt nhất từ đối tác. Hợp tác quốc tế giúp tăng cường hiệu quả sử dụng vốn thông qua việc chia sẻ chi phí đầu tư, đồng thời nâng cao năng suất khai thác và chất lượng sản phẩm.

Các doanh nghiệp khai khoáng Indonesia đã thành công trong việc quản lý vốn bằng cách: Tối ưu hóa chi phí thông qua đầu tư vào công nghệ và tự động hóa, đảm bảo tính bền vững và trách nhiệm môi trường để đáp ứng quy định, đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị trường để giảm rủi ro tài chính, tận dụng hợp tác quốc tế để tăng năng lực và thu hút vốn. Những chiến lược này đã giúp các doanh nghiệp Indonesia không chỉ cải thiện hiệu quả sử dụng vốn mà còn đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong ngành khai khoáng.

3. Bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam

Các doanh nghiệp khai khoáng tại Việt Nam, như Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin), Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan Resources, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam), CTCP Khoáng sản Á Châu, CTCP Khoáng sản Bắc Kạn, CTCP Khoáng sản Bắc Kạn, CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP, Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP... đối mặt với nhiều thách thức về chi phí đầu tư lớn, biến động giá tài nguyên và các quy định môi trường khắt khe. Vì thế, rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm trong việc sử dụng vốn hiệu quả để cải thiện năng suất, giảm chi phí và đảm bảo phát triển bền vững như:

Thứ nhất, đầu tư vào công nghệ hiện đại để tối ưu hóa quy trình khai thác và giảm chi phí.

Các doanh nghiệp khai khoáng lớn tại Việt Nam cần nhận thức rõ tầm quan trọng của việc đầu tư vào công nghệ hiện đại để tối ưu hóa quy trình khai thác và giảm chi phí. Sử dụng công nghệ tiên tiến, bao gồm các thiết bị khai thác tự động và hệ thống giám sát từ xa, giúp giảm bớt sự phụ thuộc vào lao động thủ công và tối ưu hóa nguồn lực. Công nghệ không chỉ giúp giảm chi phí vận hành mà còn cải thiện hiệu quả khai thác, giảm rủi ro trong quá trình hoạt động. Có thể thấy Vinacomin đã đi đầu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác than, đặc biệt là trong việc sử dụng máy móc tự động để cải thiện năng suất và giảm chi phí nhân công.

Thứ hai, đầu tư vào bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Trong bối cảnh ngày càng có nhiều yêu cầu về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, các doanh nghiệp khai khoáng Việt Nam đã phải cân nhắc việc đầu tư vào các biện pháp bảo vệ môi trường và phục hồi sau khai thác theo Nghị quyết 98/2023/QH15. Đầu tư vào công nghệ xử lý chất thải và phục hồi đất đai sau khai thác không chỉ giúp đáp ứng các yêu cầu pháp lý mà còn bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành. Điều này cũng giúp các doanh nghiệp duy trì mối quan hệ tốt với cộng đồng và chính quyền địa phương.

Thứ ba, tăng cường quản lý tài chính và kiểm soát chi phí

Quản lý tài chính chặt chẽ và kiểm soát chi phí là một yếu tố quan trọng trong việc sử dụng vốn hiệu quả. Các doanh nghiệp khai khoáng Việt Nam đã học được rằng cần phải duy trì một hệ thống quản lý tài chính minh bạch và có chiến lược kiểm soát chi phí hiệu quả. Việc áp dụng các công cụ tài chính hiện đại và chiến lược kiểm soát chi phí nghiêm ngặt giúp giảm thiểu lãng phí, từ đó tối ưu hóa việc sử dụng vốn. Các doanh nghiệp cũng cần thực hiện các cuộc đánh giá định kỳ về hiệu quả tài chính và tìm kiếm các cơ hội giảm chi phí. Cụ thể, tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam) đã thực hiện các biện pháp kiểm soát chi phí nghiêm ngặt trong các dự án khai thác và sản xuất dầu khí, từ đó giảm bớt chi phí đầu tư và nâng cao hiệu quả tài chính.

Thứ tư, đa dạng hóa sản phẩm và thị trường tiêu thụ

Một bài học quan trọng là chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ giúp giảm thiểu rủi ro khi giá cả các khoáng sản biến động mạnh. Khai thác nhiều loại khoáng sản và mở rộng thị trường xuất khẩu giúp các doanh nghiệp không phụ thuộc vào một loại tài nguyên duy nhất, đồng thời giảm thiểu ảnh hưởng của biến động giá cả và gia tăng doanh thu. Tương tự như Trung Quốc, Doanh nghiệp Vinacomin không chỉ khai thác than mà còn sản xuất các sản phẩm từ khoáng sản khác như quặng đồng vàng và các sản phẩm hóa chất, qua đó giúp công ty tăng trưởng ổn định trong dài hạn.

Thứ năm, tăng cường hợp tác và liên kết với các đối tác chiến lược

Các doanh nghiệp khai khoáng tại Việt Nam cũng đã học được tầm quan trọng của việc hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước để tối ưu hóa vốn đầu tư và tăng cường năng lực cạnh tranh. Việc

hợp tác với các đối tác trong ngành và ngoài ngành giúp giảm thiểu rủi ro tài chính, chia sẻ chi phí đầu tư và tối ưu hóa nguồn lực. Các doanh nghiệp cũng có thể tận dụng các lợi thế từ các đối tác về công nghệ, nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Masan Resources đã hợp tác với các đối tác quốc tế trong các dự án khai thác mỏ, giúp công ty tiếp cận công nghệ mới và nguồn vốn lớn hơn, từ đó tối ưu hóa hiệu quả khai thác.

Những bài học trên chỉ ra rằng để đạt được hiệu quả sử dụng vốn bền vững trong ngành khai khoáng, các doanh nghiệp tại Việt Nam cần phải tập trung vào các yếu tố như đầu tư vào công nghệ, bảo vệ môi trường, quản lý tài chính chặt chẽ và đa dạng hóa sản phẩm và thị trường tiêu thụ. Hơn nữa, việc hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp các doanh nghiệp khai khoáng tối ưu hóa việc sử dụng vốn và đảm bảo phát triển lâu dài. Tuy vậy, các doanh nghiệp khai khoáng thường sử dụng các phương thức huy động vốn như phát hành cổ phiếu, trái phiếu, vay từ các tổ chức tài chính, hợp tác với các nhà đầu tư chiến lược và quỹ đầu tư mạo hiểm. Việc kết hợp nhiều nguồn vốn giúp giảm thiểu rủi ro tài chính và bảo vệ doanh nghiệp trước sự biến động của thị trường. Ví dụ: các công ty khai khoáng lớn như Rio Tinto hay BHP (Úc) đều sử dụng đa dạng hình thức huy động vốn từ các nhà đầu tư trong nước và quốc tế, phát hành trái phiếu, vay ngân hàng và hợp tác với các đối tác chiến lược.

Hơn thế nữa, các doanh nghiệp khai khoáng lớn như Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam) và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem)... thường được hưởng các chính sách hỗ trợ tài chính từ Chính phủ, bao gồm các khoản vay ưu đãi, miễn giảm thuế và các chính sách khuyến khích đầu tư. Lợi thế sử dụng vốn rất lớn đó là các doanh nghiệp này có thể huy động vốn dễ dàng hơn thông qua các khoản vay với lãi suất thấp hoặc từ ngân sách nhà nước. Điều này giúp họ giảm thiểu chi phí tài chính và có khả năng đầu tư vào các dự án quy mô lớn mà không phải chịu áp lực tài chính quá lớn. Một bài học kinh nghiệm rút ra đối với các doanh nghiệp cổ phần không có vốn nhà nước cần thận trọng hơn với kêu gọi và sử dụng vòng quay vốn hiệu quả hơn.

Tài liệu tham khảo:

- Khawaja, A. I., & Mian, A. (2005). Do Lenders Favor Politically Connected Firms? Rent Provision in an Emerging Financial Market. *The Quarterly Journal of Economics*, 120(4), 1371–1411. <https://doi.org/10.1162/003355305775097524>
- Mian, A. R., & Khawaja, A. I. (2011). Do Lenders Favor Politically Connected Firms? Rent Provision in an Emerging Financial Market. In SSRN Electronic Journal. <https://doi.org/10.2139/ssrn.631703>
- China Minmetals Corporation. (2023). Sustainability Report 2023
- Hosseinzadeh, A., Smyth, R., Valadkhani, A., & Le, V. (2016). Analyzing the efficiency performance of major Australian mining companies using bootstrap data envelopment analysis. *Economic Modelling*, 57, 26–35.